

KIẾN THỨC VỀ LÂY NHIỄM HIV/AIDS CỦA SINH VIÊN NAM TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định tỷ lệ sinh viên nam có kiến thức đạt về lây nhiễm HIV/AIDS tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Phương pháp: Nghiên cứu cắt ngang mô tả, được thực hiện từ tháng 03/2023 đến tháng 07/2023 trên 283 sinh viên nam tại thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả: Kiến thức chung về lây nhiễm HIV/AIDS của sinh viên nam: Tỷ lệ sinh viên nam có kiến thức về lây nhiễm HIV đạt là 68,2% và 32,8% chưa đạt. Vẫn còn 19,6% sinh viên nam cho rằng có thể nhận biết người mắc HIV qua ngoại hình của họ và 25,1% sinh viên hiểu sai rằng bản thân có thể bị nhiễm HIV khi ăn chung hoặc ôm hôn người nhiễm HIV.

Kết luận: Có 68,2% sinh viên có kiến thức chung về lây nhiễm HIV đạt. Cần có giải pháp tác động vào kiến thức của sinh viên từ đó góp phần tác động vào thái độ và hành vi của sinh viên nam nhằm nâng cao kiến thức về lây nhiễm HIV và giảm thiểu số ca mắc HIV trên sinh viên nam tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và nước Việt Nam nói chung.

Từ khóa: HIV, quan hệ tình dục, sinh viên nam.

KNOWLEDGE ABOUT HIV/AIDS INFECTION OF MALE STUDENTS IN HO CHI MINH CITY

ABSTRACT

Objective: Determine the proportion of male students with correct knowledge about HIV/AIDS infection in Ho Chi Minh City.

Methods: Descriptive cross-sectional study, conducted from March 2023 to July 2023 on 283 male students in Ho Chi Minh City.

Results: General knowledge about HIV/AIDS infection among male students: The percentage of male students with knowledge about HIV infection is 68.2% and 32.8% is incorrect. There are still 19.6% of male students who think that they can recognize people with HIV by their appearance

Mai Thị Hiền^{1*}, Võ Thị Ngọc Trà¹, Phạm Ngọc Hà¹

and 25.1% of students misunderstand that they can be infected with HIV by eating with or hugging or kissing someone infected with HIV.

Conclusion: There needs to be a solution to impact students' knowledge, thereby contributing to influencing the attitudes and behaviors of male students to improve knowledge about HIV infection and reduce the number of HIV cases among male students in the city Ho Chi Minh City in particular and Vietnam in general

Keywords: HIV, sexual, male students.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo thống kê của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) tính đến năm 2021 thế giới hiện có 38,4 triệu người nhiễm HIV, trong đó có 650.000 ca tử vong và 1,5 triệu ca nhiễm mới HIV đã được ghi nhận [1]. Tại Việt Nam, theo Cục Phòng - Chống HIV/AIDS, tính đến ngày 30/09/2021 cả nước ghi nhận tổng 212.769 người nhiễm HIV hiện đang còn sống và 108.849 ca đã tử vong do HI [2]. Nhưng chỉ trong vòng 10 tháng đầu của năm 2021, nước ta đã ghi nhận 10.925 ca nhiễm mới (tăng gần 130% so với năm 2019) [3] và 1528 trường hợp bệnh nhân tử vong vì căn bệnh thế kỷ này, qua các khảo sát đã được tiến hành và các số liệu thu thập được cho thấy rằng các ca nhiễm mới chủ yếu là nam giới chiếm 84,8% và đường lây truyền chủ yếu là do qua quan hệ tình dục không an toàn, chiếm 79,1% [2]. Cho tới thời điểm hiện tại, đã có khá nhiều giải pháp và các khuyến cáo về phòng tránh lây nhiễm HIV qua quan hệ tình dục (QHTD) không an toàn được đưa ra nhằm làm giảm thiểu các ca nhiễm mới, dù vậy, tỷ lệ các ca nhiễm HIV được ghi nhận vẫn không ngừng tăng cao, đặc biệt là ở nam giới. Tỷ lệ nam giới nhiễm HIV trên toàn cầu năm 2019 chiếm hơn 50% trong số các ca nhiễm mới được ghi nhận và 62% đàn ông trưởng thành nhiễm HIV qua đường QHTD [4]. Theo thống kê của CDC vào năm 2018 tại Hoa Kỳ và 6 khu vực phụ thuộc ghi nhận có 37.968 trường hợp nhiễm HIV, trong đó nam giới chiếm đến 81% (30.691 ca) và 90,73% (27.849 ca) ca nhiễm mới ở nam giới là do lây nhiễm qua đường QHTD [5]. Trong khi đó, nghiên cứu trên đối tượng là sinh viên tại Trung Quốc, chỉ tính riêng năm 2017 có 3077 sinh viên nhiễm HIV mới và hơn 80% trong số đó là sinh viên nam

1. Trường Đại học Y Dược TPHCM

* Tác giả liên hệ: Mai Thị Hiền

Email: mhienn98@yahoo.com

Ngày nhận bài: 15/7/2024

Ngày phản biện: 19/8/2024

Ngày duyệt bài: 22/8/2024

[6]. Tại Việt Nam theo Cục Phòng – Chống HIV/AIDS, tỷ lệ lây nhiễm HIV qua đường QHTD tăng từ 68,2% năm 2019 lên 77,7% năm 2020, trong đó, tỷ lệ nhóm dân số trẻ (16 – 29 tuổi) trong số những ca nhiễm HIV được phát hiện tăng từ 37,9% năm 2019 lên 45,5% năm 2020 [7].

Chính vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện để khảo sát kiến thức về lây nhiễm HIV qua quan hệ tình dục của sinh viên nam tại Thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó, có thể cung cấp các kiến thức cần thiết góp phần giảm thiểu tối đa các ca nhiễm HIV mới trên nhóm sinh viên nam cũng như giảm thiểu số ca nhiễm HIV mới tại Việt Nam.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

+ Tiêu chuẩn chọn mẫu

Là sinh viên nam, đang học tập tại các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Độ tuổi từ đủ 18 tuổi trở lên

Đồng ý tham gia nghiên cứu.

+ Tiêu chuẩn loại trừ

Sinh viên nước ngoài.

Sinh viên trả lời các câu hỏi trùng lặp, không trả lời hết bộ câu hỏi, trả lời không đúng mục đích yêu cầu của bộ câu hỏi.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: cắt ngang mô tả

Cỡ mẫu: Nghiên cứu cắt ngang mô tả được thực hiện trên 283 sinh viên nam thuộc 36 trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian từ tháng 04/2023 – 07/2023

Cỡ mẫu được tính theo công thức :

$$n = Z_{(1-\alpha/2)}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

n: là cỡ mẫu tối thiểu của nghiên cứu.

α : là sai lầm loại 1 ($\alpha = 0,05$)

$Z_{1-\alpha/2}$: là trị số từ phân phối chuẩn, độ tin cậy 95% thì $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$

p: Tỷ lệ sinh viên có kiến thức về phòng ngừa lây truyền HIV/AIDS là 0.797

d: Sai số ước lượng là 0,05

Áp dụng vào công thức ta có:

Ước tính có thêm 10% số trường hợp trả lời không trung thực, trả lời trùng lặp. Vì vậy cỡ mẫu tham gia nghiên cứu làm tròn là 274 nam sinh viên.

2.3. Phương pháp và kỹ thuật thu thập số liệu

Phương pháp chọn mẫu: bóng tuyết.

Bảng khảo sát trực tuyến Google biểu mẫu và mã QR sẽ được gửi đến các sinh viên nam mà nghiên cứu viên và giảng viên hướng dẫn tiếp cận được qua các ứng dụng mạng xã hội.

Để tránh trường hợp một người tham gia nghiên cứu trả lời khảo sát nhiều lần, bộ câu hỏi khảo sát sẽ được gửi cho người tham gia nghiên cứu qua các ứng dụng mạng xã hội và có yêu cầu đăng nhập mail khi thực hiện khảo sát, mỗi mail chỉ thực hiện đăng nhập được một lần. Khi người tham gia nghiên cứu chọn “gửi câu trả lời” thì kết quả trả lời khảo sát sẽ được gửi đi và người tham gia nghiên cứu không thể thay đổi được câu trả lời của mình.

Cách đánh giá kiến thức chung về lây nhiễm HIV của sinh viên nam (bao gồm 5 câu hỏi)

Đánh giá kiến thức chung về lây nhiễm HIV bằng cách tính điểm dựa trên khung theo dõi, đánh giá chương trình phòng chống HIV/AIDS Quốc gia năm 2011

Câu hỏi có 1 lựa chọn thì chọn câu trả lời đúng được 1 điểm

Câu hỏi có nhiều lựa chọn thì mỗi ý đúng cho 1 điểm. Không biết, trả lời sai thì cho 0 điểm

Thang điểm với tổng số điểm tối đa của bộ câu hỏi là 5 điểm

Tổng điểm ≤ 4 : kiến thức chưa đạt

Tổng điểm = 5: kiến thức đạt

2.4. Xử lý số liệu

Số liệu được tổng hợp, tải về máy, mã hóa bằng phần mềm Excel và phân tích bằng phần mềm SPSS Statistics phiên bản 22.0.

Phân tích thống kê mô tả để tính ra tần suất, tỷ lệ phần trăm cho biến định tính, tính trung bình và độ lệch chuẩn, giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất để mô tả cho các biến định lượng.

2.5. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu đã được chấp thuận về mặt y đức trong nghiên cứu từ Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học Đại học Y Dược TP. HCM mã số 471/HĐĐĐ - ĐHYD kí ngày 17/04/2023.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Biến	Phân loại	n (%)
Học năm thứ mấy đại học	Năm 1	23 (8,1%)
	Năm 2	76 (26,9%)
	Năm 3	71 (25,1%)
	Năm 4	97 (34,3%)
	Năm 5	9 (3,1%)
	Năm 6	7 (2,5%)
Đã có gia đình chưa	Có	5 (1,8%)
	Chưa	278 (98,2%)
Tự nhận mình thuộc nhóm giới tính nào	Gay	52 (18,3%)
	Bisexua	18 (6,4%)
	Đàn ông	213 (75,3%)
Thích QHTD với ai	Nam	66 (23,3%)
	Nữ	202 (71,4%)
	Cả nam lẫn nữ	15 (5,3%)

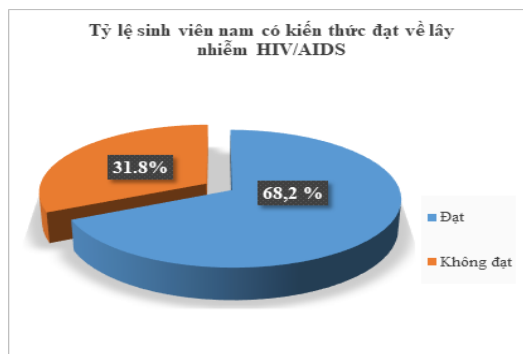
Các đối tượng tham gia nghiên cứu là sinh viên trải đều ở cả 6 năm học, trong đó tham gia nhiều nhất là sinh viên năm thứ 4 với 97 sinh viên (34,3%) và ít nhất là năm 6 với 7 sinh viên (2,5%) và năm 5 với 9 sinh viên (3,1%). Trong số các sinh viên tham gia nghiên cứu có 213 sinh viên tự nhận mình là đàn ông (75,3%), 52 sinh viên tự nhận mình là gay (18,3%) và 18 sinh viên nói mình thuộc nhóm Bisexua (6,4%). Có 202 sinh viên cho biết bản thân thích quan hệ với bạn tình là nữ (71,4%), 66 sinh viên thích quan hệ với bạn tình là nam (23,3%), 15 sinh viên nam thích quan hệ với cả nam lẫn nữ (5,3%), trong số 213 sinh viên tự nhận mình là đàn ông có 13 (6,1%) sinh viên thích QHTD với bạn tình nam 4 (1,9%) sinh viên thích QHTD với cả bạn tình nam lẫn nữ. Mặt khác, trong 70 sinh viên tự nhận mình là gay và bisexua có 53 (75,7%) sinh viên thích QHTD với bạn tình nam và 11 (15,7%) sinh viên thích QHTD với cả bạn tình nam lẫn nữ. Có 5 sinh viên đã lập gia đình (1,8%) và 278 sinh viên chưa có gia đình (98,2%).

Bảng 2. Kiến thức chung về lây nhiễm HIV

KIẾN THỨC	PHÂN LOẠI	n (%)
Bạn có thể nhận biết người mắc HIV qua ngoại hình đúng không?	Đúng	55 (19,6%)
	Sai	228 (80,4%)
Bạn có thể nhiễm HIV khi ăn chung hoặc ôm hôn với người mắc HIV đúng không?	Đúng	71 (25,1%)
	Sai	212 (74,9%)
Bạn có thể bị nhiễm HIV qua đường truyền máu đúng không?	Đúng	227 (97,9%)
	Sai	6 (2,2%)
Bạn có thể bị nhiễm HIV khi dùng chung bơm tiêm với người mắc HIV đúng không?	Đúng	279 (98,6%)
	Sai	4 (1,4%)
Đứa trẻ sinh ra từ người mẹ bị HIV có thể bị nhiễm HIV đúng không?	Đúng	245 (86,6%)
	Sai	38 (13,4%)

Có 55 sinh viên (19,6%) cho rằng họ có thể nhận biết bệnh nhân mắc HIV qua ngoại hình của họ, 228 sinh viên nam (80,4%) lại cho là không thể nhận biết người nhiễm HIV qua ngoại hình của họ. 227 sinh

viên (97,9%) tham gia nghiên cứu trả lời đúng HIV/AIDS lây qua đường truyền máu và 6 sinh viên (2,2%) trả lời sai, 245 sinh viên (86,6%) trả lời đúng HIV/AIDS lây truyền từ mẹ sang con và 38 sinh viên (13,4%) trả lời chưa đúng. Hầu hết các sinh viên ý thức được việc sử dụng bơm tiêm chung với người nhiễm HIV/AIDS sẽ bị lây nhiễm HIV (98,6%). Tuy nhiên, chỉ có 212 sinh viên (74,9%) trả lời đúng việc ăn chung hoặc ôm hôn người nhiễm HIV không làm lây nhiễm HIV, vẫn có đến gần 1/4 sinh viên nam (25,1%) cho rằng việc ăn uống chung với người nhiễm HIV/AIDS có thể làm lây nhiễm HIV.



Biểu đồ 1. Tỷ lệ sinh viên nam có kiến thức đạt về phòng chống HIV/AIDS

Theo biểu đồ 1 căn cứ thang điểm với tổng số điểm tối đa 05 điểm (05 câu hỏi về lây nhiễm HIV/AIDS). Đạt yêu cầu khi trả lời chính xác 5/5 câu hỏi. Kết quả cho thấy có khoảng 2/3 sinh viên có kiến thức chung về lây nhiễm HIV/AIDS đạt (68,2%) và 1/3 sinh viên có kiến thức chung về lây nhiễm HIV chưa đạt (31,8%).

IV. BÀN LUẬN

Tỷ lệ sinh viên tham gia nghiên cứu lần lượt là gay (18,3%), Bisexua (6,4%), đàn ông (75,3%). Tỷ lệ giới tính tự nhận của nghiên cứu này đa dạng hơn so với nghiên cứu tại Nha Trang [11], Brazil [10] với 100% đối tượng nghiên cứu là nam giới có quan hệ tình dục đồng tính nam (MSM). Nghiên cứu của chúng tôi mang tính đặc trưng của một nhóm giới tính sinh học hơn so với nghiên cứu tại Botswana là 38,87% nam và 61,13% nữ [9]. Với tỷ lệ giới tính này, việc đánh giá kiến thức về phòng chống lây nhiễm HIV qua QHTD của sinh viên nam sẽ bao quát hơn. Kết quả nghiên cứu cũng sẽ giúp đưa ra những giải pháp sức khỏe không chỉ đối với QHTD giữa nam và nữ như trước đây mà sẽ có sự quan tâm đến sức khỏe tình dục, sức khỏe sinh sản của các mối quan hệ đồng tính - nhóm nguy cơ chính gây nhiễm HIV/AIDS tại Việt Nam [12].

Các câu hỏi kiến thức chung về phòng chống lây nhiễm HIV đều được tính điểm, nếu đối tượng tham gia nghiên cứu trả lời đúng 5/5 câu hỏi chung thì được đánh giá là kiến thức đạt. Trong nghiên cứu này, tỷ lệ sinh viên nam có kiến thức đạt là 68,2% tương đồng với các nghiên cứu tại Trung Quốc là 67,3% [8] và cao hơn so với nghiên cứu của Tác giả Nguyễn Thị Quế Lâm tại Nha Trang là 62,12% [11]. Điều này là hợp lý vì nghiên cứu tại Nha Trang của tác giả Nguyễn Thị Quế Lâm được thực hiện trên nhóm MSM lao động phổ thông,

trong khi nghiên cứu của chúng tôi và nghiên cứu tại Quảng Tây, Trung Quốc có đối tượng nghiên cứu là các sinh viên đại học nên dẫn đến sự khác biệt này. Nghiên cứu cho thấy nguồn thông tin về kiến thức lây nhiễm HIV/AIDS của các đối tượng nghiên cứu chủ yếu là qua Internet (90,8%), truyền hình, báo chí (87,27%), chương trình ngoại khóa: đoàn thanh niên, trường học, CLB đội nhóm, khu phố,... (65,37%) đa dạng hơn nghiên cứu tại Nha Trang của tác giả Nguyễn Thị Quế Lâm chỉ 0,4% đối tượng nghiên cứu cho biết họ có chủ động tìm kiếm thông tin về HIV/AIDS qua mạng xã hội [11]. Cho thấy các sinh viên nam đã có ý thức tốt trong việc chủ động tìm kiếm các thông tin về lây nhiễm HIV/AIDS để tự trang bị kiến thức bảo vệ cho bản thân và gia đình [14]. Tuy nhiên, vẫn còn 31,8% sinh viên có kiến thức cơ bản không đạt, tỷ lệ sinh viên nam cho rằng ăn uống chung hoặc ôm hôn người nhiễm HIV có thể lây nhiễm HIV trong nghiên cứu này là 25,1%, thấp hơn rất nhiều so với nghiên cứu tại Quảng Tây, Trung Quốc (34,5%) [8] và nghiên cứu của Nguyễn Thị Quế Lâm tại Nha Trang (18,3%) [11]. Điều này cho thấy đây vẫn là một thách thức đối với các hoạt động can thiệp phòng chống HIV trên nhóm sinh viên trẻ tuổi tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn đến năm 2030, mục tiêu chương trình

đặt ra là 80% người dân trong độ tuổi 15 đến 49 có hiểu biết đúng về dự phòng lây nhiễm HIV/AIDS và phản đối những quan điểm sai lầm phổ biến về lây nhiễm HIV/AIDS thì chúng ta cần phải nỗ lực, đưa ra nhiều biện pháp hiệu quả hơn nữa để đạt đến mục tiêu là 80% so với 68,2% ở hiện tại [13].

V. KẾT LUẬN

Kiến thức chung về lây nhiễm HIV/AIDS của sinh viên nam: Tỷ lệ sinh viên nam có kiến thức về lây nhiễm HIV đạt là 68,2% và 32,8% chưa đạt. Cần có giải pháp tác động vào kiến thức của sinh viên từ đó góp phần tác động vào thái độ và hành vi của sinh viên nam nhằm nâng cao kiến thức về lây nhiễm HIV và giảm thiểu số ca mắc HIV trên sinh viên nam tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và nước Việt Nam nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. WHO (2022), HIV, tại trang web <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/hiv-aids>.
2. Cục Phòng - Chống HIV/AIDS (2021), Dịch HIV/AIDS có gì thay đổi trong năm 2021, tại trang web <https://vaac.gov.vn/dich-hiv-aids-co-gi-thay-doi-trong-nam-2021.html>.
3. Cục Phòng - Chống HIV/AIDS (2020), Báo cáo: kết quả phòng chống HIV năm 2019 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2020, Bộ Y tế.
4. Joint United Nations Programme on HIV/AIDS (UNAIDS) (2020), Global AIDS Update - Seizing the Moment - Tackling Entrenched Inequalities to End Epidemics, tại trang web https://www.unaids.org/sites/default/files/media_asset/2020_global-aids-report_en.pdf
5. CDC (2018), Diagnoses of HIV Infection in the United States and Dependent Areas; Men and HIV, Centers for Disease Control and Prevention.
6. CDC China (2018), Biên bản báo cáo thường kỳ của Ủy ban Y tế Quốc gia 23/22/2018, National Center for AIDS/STD Control and Prevention, China CDC.
7. Cục Phòng - Chống HIV/AIDS (2021), Báo cáo: kết quả phòng, chống HIV/AIDS năm 2020, Bộ Y tế.
8. J. Lai, P. Pan, Y. Lin và cộng sự. (2020), "A Survey on HIV/AIDS-Related Knowledge, Attitudes, Risk Behaviors, and Characteristics of Men Who Have Sex with Men among University Students in Guangxi, China", Biomed Res Int. 2020, tr. 7857231.
9. Gabriel Faimau, Langtone Maunganidze, Roy Tapera, Lynne CK Mosomane, Samuel Cogent Social Sciences Apau (2016), "Knowledge of HIV/AIDS, attitudes towards sexual risk behaviour and perceived behavioural control among college students in Botswana". 2(1), tr. 1164932.
10. Mark Drew Crosland Guimarães, Laio Magno, Maria das Graças Braga Ceccato và cộng sự. (2019), "HIV/AIDS knowledge among MSM in Brazil: a challenge for public policies". 22, tr. e190005.
11. Nguyễn Thị Quế Lâm, Kỹ yếu các đề tài nghiên cứu khoa học của hệ truyền thông giáo dục sức khỏe (2014), "Kiến thức, thái độ, thực hành về phòng chống HIV/AIDS của nam quan hệ tình dục đồng giới tại Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa", tr. 107.
12. Bộ Y Tế - Cục phòng chống HIV/AIDS (2021), Nam quan hệ tình dục đồng giới - Họ là ai, tại trang web <https://vaac.gov.vn/nam-quan-he-tinh-duc-dong-gioi-ho-la-ai.html>.
13. Rena C Patel, Gaelen Stanford-Moore, Josephine Odoyo và cộng sự. (2016), "Since both of us are using antiretrovirals, we have been supportive to each other": facilitators and barriers of pre-exposure prophylaxis use in heterosexual HIV serodiscordant couples in Kisumu, Kenya". 19(1), tr. 21134.
14. Trần Minh Trí, Đỗ Minh Tạp chí Nông Lâm học Hoàng, Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh, tr1-11 (2016), "Thực trạng sử dụng internet và những tác động của internet đến sinh viên trường đại học Nông Lâm TPHCM".